

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 7

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lilama 7;

- Căn cứ vào biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số: 04/LILAMA7/BB-ĐHĐCĐTN/2019 ngày 22 tháng 04 năm 2019.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019.

a. *Kết quả sản xuất kinh doanh & đầu tư năm 2018.* ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	%TH /KH 2018	% TH 2018/2017
1	Doanh thu	160.000	93.900	58,70	98,00
2	Lợi nhuận trước thuế	800	205	25,62	-
3	Nộp ngân sách	6.570	5.489	83,54	85,2
4	Đầu tư XD CB	10.000	723	7,23	-
5	Tổng số lao động BQ (người) (31/12/2018).	500	325	65,00	83,97
6	Thu nhập BQ/người/tháng	8,00	8,00	100	104,00

b. *Kế hoạch Sản xuất, kinh doanh & đầu tư năm 2019*

TT	Nội dung	TH Năm 2018	Kế hoạch Năm 2019	KH 2019/ TH 2018 (%)
1	Doanh thu	93.900	150.000	159,40
2	Lợi nhuận trước thuế	205	600	292,68
3	Nộp ngân sách	5.489	6.100	111,13
4	Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%)	0	0	-
5	Đầu tư nâng cao năng lực &			691,56

Trang 1

	đầu tư XD CB. (Triệu đồng)	723	5.000	
6	Tổng số lao động BQ (người)	325	350	107,70
7	Thu nhập BQ (triệu đồng /người/tháng)	8	8	100,00

Điều 2: Thông qua báo cáo Tài chính công khai năm 2018 (Báo cáo đã kiểm toán).

Điều 3: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

- Tổng vốn điều lệ : 50.000 triệu đồng
 - Tỷ lệ cổ tức dự kiến/ vốn điều lệ năm 2018 : 0% / năm
 - Tổng giá cổ tức dự kiến phải trả năm 2018 : 0 đồng
- Đvt: đồng

TT	Nội dung	Dự kiến	Ghi chú
1	Tổng lợi nhuận trước thuế 2018	205.882.187	
2	Chi phí thuế TNDN 2018	0	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (3=1-2)	205.882.187	
4	Lợi nhuận năm trước chuyển sang 2018	(16.952.611.592)	
5	Tổng lợi nhuận chưa phân phối: (5=3+4)	(16.746.729.405)	
6	Các khoản trừ vào Lợi nhuận phân phối	0	
7	Lợi nhuận còn lại dùng để phân phối	(16.746.729.405)	
8	Trích các quỹ	0	
9	Chia cổ tức	0	
10	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau (10=7-8-9)	(16.746.729.405)	

Điều 4: Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thẩm tra báo cáo Tài chính công khai, công tác quản lý, điều hành Công ty của Ban Tổng giám đốc và HĐQT trong năm 2018.

Điều 5: Thông qua uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 Công ty kiểm toán được phép Kiểm toán hoạt động Tài chính của Công ty trong năm 2019.

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lialama7 thực hiện các thủ tục để ký hợp đồng Kiểm toán với Công ty kiểm toán nêu trên.

Điều 6: Thông qua báo cáo tiền lương Chủ tịch HĐQT, lương Trường ban kiểm soát, thù lao của các thành viên kiêm nhiệm HĐQT, BKS & thư ký HĐQT năm 2018 & Kế hoạch tiền lương Chủ tịch HĐQT, lương Trường ban kiểm soát, thù lao các thành viên kiêm nhiệm HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019.

1-Thù lao của thành viên HĐQT & Ban kiểm soát - Tiền lương của Chủ tịch HĐQT & Trường ban Kiểm soát năm 2018

1.1 Tiền lương & Thù lao của Hội đồng quản trị:

T T	Thành phần	Chức vụ	Thù lao được hưởng /đồng/người/tháng			Tiền lương BQ đồng/người/tháng		
			Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	%TH /KH	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	%TH /KH
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	28.000.000	23.800.000	85
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (04 người)	TV.HĐQT	2.647.500	2.647.500	100	-	-	-

1.2 Tiền lương Trường BKS và Thù lao thành viên BKS & thư ký HĐQT

T T	Thành phần	Chức vụ	Thù lao được hưởng /đồng/người/tháng			Tiền lương BQ đồng/người/tháng		
			Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	%TH /KH	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	%TH /KH
1	Lê Thị Quỳnh Nhung	Trường BKS	-	-	-	10.026.667	8.544.122	85
2	02 thành viên BKS & 01 thư ký HĐQT (03 người)	TV.BKS & TKHĐQT	1.976.800	1.976.800	100	-	-	-

- Tổng tiền lương HĐQT & BKS trong năm 2018 là: **388.129.464 đồng/năm.**
- Tổng thù lao HĐQT & BKS trong năm 2018 là: **198.244.800 đồng/năm.**

2.Kế hoạch tiền lương Chủ tịch HĐQT, lương Trường Ban kiểm soát và thù lao các thành viên kiêm nhiệm năm 2019

a) Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị & Trường ban Kiểm soát

- **Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị**
(Doanh thu kế hoạch năm 2019 x Hệ số khoán /12 tháng)
= (150.000.000.000 x 0.2467% /12) = 30.837.500 đồng/tháng.
- **Lương Trường ban Kiểm soát**
(Doanh thu kế hoạch năm 2019 x Hệ số khoán/12 tháng).
= (150.000.000.000 x 0.086% /12) = 10.750.000 đồng/tháng

➤ Ghi chú: Tạm ứng hàng tháng để thanh toán lương theo Quy chế của Công ty. Việc quyết toán lương của Chủ tịch HĐQT & Trưởng ban kiểm soát sẽ thực hiện theo Doanh thu thực tế năm 2019.

b) *Thù lao thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT.*

Mức thù lao hàng tháng đối với từng chức danh, đề nghị được giữ nguyên Hệ số đã thông qua Đại hội thường niên năm 2018, nhân với lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định thời điểm hiện hành, được áp dụng năm 2019 vùng II là: 3.710.000đ (Ba triệu, bảy trăm, mười ngàn đồng chẵn).

- Thành viên Hội đồng quản trị hệ số = 0,75 x Mức lương tối thiểu vùng.

$$= 0,75 \times 3.710.000 = 2.782.500 \text{ đồng/người/tháng.}$$

- Thành viên của ban Kiểm soát & Thư ký HĐQT.

$$= 0,56 \times \text{Mức lương tối thiểu vùng.}$$

$$= 0,56 \times 3.710.000 = 2.077.600 \text{ đồng/người/tháng}$$

Bảng tổng hợp kế hoạch tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát dự kiến trong năm 2019.

Hội đồng quản trị.

T T	Thành phần	Chức vụ	Thù lao được hưởng /đồng/người/tháng			Tiền lương BQ đồng/người/tháng		
			Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	%KH 2019/ /TH 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	%KH 2019 /TH 2018
1	Nguyễn Văn Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	23.800.000	30.837.500	130
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (04 người)	TV.HĐQT	2.647.500	2.782.500	105	-	-	-

Ban kiểm soát :

TT	Thành phần	Chức vụ	Thù lao được hưởng /đồng/người/tháng			Tiền lương BQ đồng/người/tháng		
			Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	%KH 2019/ /TH 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	%KH 2019/ /TH 2018
1	Lê Thị Quỳnh Nhung	Trưởng BKS	-	-	-	8.544.122	10.750.000	126
2	02 thành viên BKS & 01 thư ký HĐQT (03 người)	TV.BKS & TKHĐQT	1.976.800	2.077.600	105	-	-	-

- Dự kiến tổng tiền lương HĐQT & BKS trong năm 2019 là: **499.050.000 đồng/năm.**
- Dự kiến tổng thù lao HĐQT & BKS trong năm 2019 là: **208.353.600 đồng/năm.**

Điều 7: Thông qua miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Hồng Thái & miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với Ông Trần Anh Đức nhiệm kỳ 2017-2022.

Điều 8: Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS

1- Ông: **Võ Duy Chính** đủ điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama7 nhiệm kỳ 2017-2022, kể từ ngày 22/04/2019.

2- Ông: **Trần Anh Dũng** đủ điều kiện trở thành thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama7 nhiệm kỳ 2017-2022, kể từ ngày 22/04/2019.

Điều 9: Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Cổ đông của Công ty cổ phần Lilama7, chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 9
- Lưu HĐQT



Nguyễn Văn Kiên